

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BA BỂ
TỈNH BẮC KẠN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 16-9-2022.

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA BỂ, TỈNH BẮC KẠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hoàng Anh Tuấn**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Hoàng Thăng Bắc**.
2. Bà **Chu Thị Thu Trang**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hứa Huyền Trang** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Thu Huyền** - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2022 về việc: “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2022/QĐXX-ST ngày 02 tháng 8 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2022/QĐST-HNGĐ ngày 30/8/2022 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Triệu Thị P**, sinh năm 1997. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Thôn L, xã Y, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

* Bị đơn: Anh **Trịnh Văn S**, sinh năm 1994. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn L, xã Y, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại đơn xin xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Triệu Thị P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị P và chồng là anh Trịnh Văn S, chung sống với nhau từ năm 2012, đến năm 2017 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Kết hôn trên cơ sở tự nguyện không bị ép buộc. Quá trình chung sống thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc. Mâu thuẫn phát sinh từ năm 2014, nguyên nhân do anh S uống rượu chửi chị P, anh S nợ nần linh tinh các chỗ để chị P phải trả thay nên hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, chị P đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh S vẫn không thay đổi. Hai vợ chồng sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Quá trình sống ly thân hai vợ chồng không quan tâm hàn gắn tình cảm. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được chị P đề nghị giải quyết cho ly hôn anh Trịnh Văn S.

Về con chung: Hai vợ chồng có 02 con chung là Triệu Thanh X sinh ngày 02/5/2013 và Triệu Thế H sinh ngày 04/5/2017, các con chung khỏe mạnh, phát triển bình thường. Khi ly hôn chị P có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục hai con đến khi các con chung đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh Trịnh Văn S phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Trịnh Văn S, quá trình giải quyết vụ án Tòa án xác minh anh S vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống ở địa phương (Thôn L, xã Y, huyện B) nhưng khi Tòa án đến làm việc, giao các văn bản tố tụng cho anh S thì anh S đều không có nhà. Tòa án đã tiến hành lập biên bản về việc vắng mặt của anh S và niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án anh S cũng không có ý kiến gì.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Bể tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đều chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự; bị đơn anh Trịnh Văn S không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án như sau:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu xin ly hôn của chị Triệu Thị P. Chị Triệu Thị P được ly hôn anh Trịnh Văn S.

- Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Triệu Thanh X sinh ngày 02/5/2013 và Triệu Thế H sinh ngày 04/5/2017 cho chị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi, anh Trịnh Văn S được phép đi lại thăm nom con không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu vì vậy không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu vì vậy không xem xét.

- Về án phí: Chị Triệu Thị P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Triệu Thị P có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn là anh Trịnh Văn S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Thị P và anh Trịnh Văn S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, không vi phạm điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện B, tỉnh Bắc Kạn ngày 04/7/2017. Do vậy, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, bắt đầu từ năm 2014 thì giữa chị P và anh S thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, do anh S thường xuyên uống rượu, nợ nần; mâu thuẫn đã xảy ra trong một khoảng thời gian dài và hai bên không thể tự hòa giải để giải quyết được mâu thuẫn. Việc mâu thuẫn vợ chồng ở thôn L, xã Y cũng đã biết và hòa giải một lần nhưng hai vợ chồng không tự hòa giải mâu thuẫn với nhau được.

Về phía chị P trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại đơn xin xét xử vắng mặt đều xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án anh S không có bản tự khai, Tòa án cũng không lấy được lời khai của anh S. Tòa án đã xác minh hiện nay anh Trịnh Văn S vẫn cư trú và sinh sống tại địa phương nhưng khi Tòa án đến giao các văn bản tố tụng cho anh S đều không có nhà, không có ai nhận thay, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, để xem xét về tình trạng hôn nhân của chị P và anh S, Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương nơi sinh sống của vợ chồng chị P, anh S thể hiện: Quá trình sinh sống tại thôn L, xã Y hai vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, tổ hòa giải thôn đã tiến hành hòa giải. Năm 2019 hai vợ chồng chị P và anh S sống ly thân cho đến nay.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Về quan hệ hôn nhân giữa chị P và anh S đã có sự mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu duy trì cuộc sống gia đình cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai bên. Do đó, xét thấy yêu cầu xin ly hôn của chị Triệu Thị P là có căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung*: Hai vợ chồng chị P và anh S có 02 con chung là Triệu Thanh X sinh ngày 02/5/2013 và Triệu Thế H sinh ngày 04/5/2017, các con chung khỏe mạnh, phát triển bình thường. Khi ly hôn chị P có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục hai con đến khi các con chung đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh Trịnh Văn S phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Việc giao con cho vợ hoặc chồng trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục phải căn cứ vào các điều kiện để đảm bảo tất cả quyền lợi của con chung, con chung phải được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục tốt nhất. Hội đồng xét xử thấy rằng: Cháu Triệu Thanh X hiện nay đã trên 7 tuổi, tại bản tự khai cháu X trình bày nguyện vọng của cháu khi bố mẹ ly hôn là được sống với mẹ là chị Triệu Thị P. Cháu Triệu Thế H chưa đủ 7 tuổi nên Tòa án không hỏi ý kiến của cháu. Về điều kiện kinh tế Tòa án đã xác minh tại địa phương thì hộ gia đình chị P và anh S thuộc hộ nghèo. Tuy nhiên, chị P hiện nay đi làm công nhân thu nhập trung bình một tháng cũng được khoảng 7.000.000 đồng đủ điều kiện để nuôi các con, đảm bảo các cháu đều được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục một cách tốt nhất. Về phía anh S quá trình giải quyết vụ án không cung cấp cho Tòa án được các chứng cứ, tài liệu, thông tin gì để chứng minh về điều kiện kinh tế của mình cũng như yêu cầu của anh S. Trên cơ sở nguyện vọng của con chung và điều kiện nuôi con của các bên đương sự Hội đồng xét xử thấy rằng giao 02 con chung cho chị P trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục sẽ đảm bảo tốt hơn khi giao cho anh S. Vì lẽ đó cần chấp nhận yêu cầu được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung của chị P.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Triệu Thị P không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì lợi ích của con chung khi cần thiết các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp trông nom, nuôi

đưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] *Về tài sản chung, vay nợ chung*: Chị Triệu Thị P không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Trong trường hợp các bên đương sự có tranh chấp về tài sản chung và có đơn yêu cầu thì Tòa án sẽ xem xét thụ lý, giải quyết bằng một vụ án khác.

[5] *Về án phí*: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[6] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu xin ly hôn của chị Triệu Thị P. Chị Triệu Thị P được ly hôn anh Trịnh Văn S.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là Triệu Thanh X sinh ngày 02/5/2013 và Triệu Thế H sinh ngày 04/5/2017 (các con chung khỏe mạnh, phát triển bình thường) cho chị Triệu Thị P trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh Trịnh Văn S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của các con chung khi cần thiết các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, vay nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Triệu Thị P phải chịu 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001032 ngày 06/4/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn. Xác nhận chị P đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử công khai sơ thẩm Nguyên đơn, Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND huyện Ba Bể;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Ba Bể;
- UBND xã Yên Dương;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Hoàng Anh Tuấn